

Bản án số: 02/2018/DS-ST
Ngày 16 tháng 3 năm 2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA SÚP, TỈNH ĐẮK LẮK
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Vinh Tuấn**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Bành Trọng Bình**

2. Bà **Nguyễn Thị Hồng**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Xiêm** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Ea Súp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tham gia phiên tòa: Ông **Trần Dương Công** – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2018 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Ea Súp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 104/2017/TLST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2018.

- Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị T**, sinh năm 1966 (Có mặt)

Nơi ĐKKHKT: Số nhà A, đường Đ, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị N**, (Tên thường gọi là **Nguyễn Thị T**) sinh năm 1975 (Có mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh **Trần D**, sinh năm 1977 (Có mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/11/2017 và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày:

Tôi và chị Nguyễn Thị T có quen biết với nhau nên ngày 09/01/2017 tôi có cho chị Nguyễn Thị T vay số tiền 70.000.000 đồng. Khi vay hai bên có viết giấy mượn tiền, chị Nguyễn Thị T và chồng tên là anh Trần D có ký vào giấy. Hai bên thỏa thuận thời gian vay là hai tháng, từ ngày 09/01/2017 đến ngày 09/03/2017. Đến hạn tôi đã đến nhà đòi nhưng chị Nguyễn Thị T vẫn không trả,

tháng 4/2017 chị Nguyễn Thị T mới trả cho tôi số tiền 22.000.000 đồng, còn nợ lại 48.000.000 đồng. Từ đó đến nay tôi vẫn đến nhà đòi nhưng chị Nguyễn Thị T và anh Trần D cứ hẹn lần này đến lần khác. Vì vậy, tôi viết đơn khởi kiện kính mong Tòa án nhân dân huyện Ea Súp giải quyết buộc chị Nguyễn Thị T và anh Trần D trả cho tôi số tiền nợ 48.000.000 đồng và không yêu cầu lãi suất. Đến tháng 01/2018 chị Nguyễn Thị T và anh Trần D có trả cho tôi số tiền 2.000.000 đồng. Tại buổi hòa giải ngày 16/01/2018 tôi thấy chị Nguyễn Thị T và anh Trần D còn khó khăn nên tôi yêu cầu Nguyễn Thị T và anh Trần D trả cho tôi mỗi tháng 10.000.000 đồng, tính từ tháng 3/2018 cho đến khi trả hết nợ nhưng chị Nguyễn Thị T và anh Trần D không đồng ý nên tôi đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Vì vậy, tại phiên tòa hôm nay tôi yêu cầu chị Nguyễn Thị T và anh Trần D trả cho tôi số tiền còn nợ là 46.000.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/12/2017 và tại phiên tòa hôm nay bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Tôi và bà Phạm Thị T có quen biết nhau, nên ngày 09/01/2017 tôi và chồng là anh Trần D có vay của bà Phạm Thị T số tiền 70.000.000 đồng, mục đích về để buôn bán, khi vay hai bên có viết giấy mượn tiền, vợ chồng tôi có ký vào giấy, thời hạn vay là hai tháng, từ ngày 09/01/2017 đến ngày 09/3/2017, vay không lãi suất. Nhưng khi đến hạn do điều kiện khó khăn nên tôi không trả được nợ cho bà Phạm Thị T, đến tháng 4/2017 tôi mới trả cho bà Phạm Thị T số tiền 22.000.000 đồng, còn nợ 48.000.000 đồng. Đến tháng 01/2018 vừa qua tôi đã trả cho bà Phạm Thị T số tiền 2.000.000 đồng, hiện nay còn nợ 46.000.000 đồng. Nay bà Phạm Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng tôi trả số tiền 46.000.000 đồng, nhưng do hiện nay điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên tôi xin bà Phạm Thị T cho trả mỗi tháng 3.000.000 đồng, cho đến khi trả hết nợ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/12/2017 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Trần D trình bày:

Tôi là chồng của Nguyễn Thị T, ngày 09/01/2017 giữa bà Phạm Thị T và vợ tôi Nguyễn Thị T vay tiền như thế nào thì tôi không chứng kiến nhưng sau đó vợ tôi có đưa giấy mượn tiền về nói tôi ký. Tôi thấy trong giấy mượn tiền bà Phạm Thị T cho vợ tôi mượn số tiền 70.000.000 đồng, sau đó tôi có ký vào giấy mượn tiền, số tiền đó vợ tôi vay về làm ăn, buôn bán nên tôi có trách nhiệm cùng vợ trả nợ cho bà Phạm Thị T. Vợ chồng tôi đã trả cho bà Phạm Thị T được 24.000.000 đồng, còn nợ lại 46.000.000đ. Nay bà Phạm Thị T khởi kiện yêu cầu vợ chồng tôi trả số nợ trên, tôi đồng ý trả nhưng thời gian và phương thức trả nợ do vợ tôi và bà Phạm Thị T thỏa thuận.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 16 tháng 01 năm 2018 các đương sự đã thống nhất với nhau về số nợ gốc là 46.000.000 đồng, nhưng không thoả thuận được thời gian và phương thức trả nợ nên việc hoà giải không thành. Do đó Tòa án nhân dân huyện Ea Súp căn cứ Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự đưa vụ án ra xét xử.

Các đương sự không có ý kiến tranh luận gì với nhau

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Sau khi thụ lý vụ án dân sự số 104/2017/TLST – DS ngày 22/11/2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng, giao thông báo thụ lý vụ án, giao thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thu thập chứng cứ làm căn cứ giải quyết vụ án, ra quyết định xét xử, tổng đạt hợp lệ quyết định xét xử và tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Các đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng công khai trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét quan hệ hợp đồng vay tài sản giữa bà Phạm Thị T với chị Nguyễn Thị T và anh Trần D là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, được thể hiện qua văn bản giấy mượn tiền ngày 09/01/2017 bà Phạm Thị T cho chị Nguyễn Thị T và anh Trần D mượn số tiền 70.000.000 đồng, thời hạn trả là ngày 09/3/2017 nhưng chị Nguyễn Thị T và anh Trần D mới trả cho bà T số tiền 24.000.000đ sau đó không trả nữa, mặt dù bà T đã nhiều lần đòi nợ. Vì vậy, bà Phạm Thị T khởi kiện nên quyền và lợi ích hợp pháp của các bên luôn được pháp luật bảo vệ. Chị Nguyễn Thị T và anh Trần D cũng thừa nhận có viết giấy mượn bà Phạm Thị T 70.000.000đồng nhưng mới trả được 24.000.000đồng, còn nợ lại 46.000.000 đồng. Như vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy việc bà Phạm Thị T cho chị Nguyễn Thị T và anh Trần D mượn tiền là có thật, phù hợp với quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận.

[2] Về lãi suất, bà Phạm Thị T không yêu cầu chị Nguyễn Thị T và anh Trần D trả lãi nên không đề cập giải quyết.

[3] Xét thấy trong quá trình Tòa án giải quyết chị Nguyễn Thị T đã trả cho bà Phạm Thị T số tiền 2.000.000 đồng, ngày 19/01/2018 bà Phạm Thị T làm đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 2.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với số tiền 2.000.000 đồng nêu trên.

Vì vậy cần buộc chị Nguyễn Thị T và anh Trần D trả cho bà Phạm Thị T số tiền 46.000.000 đồng.

[4] Về án phí: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 463, Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị T đối với bị đơn chị Nguyễn Thị T và anh Trần D về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc chị Nguyễn Thị N (Tên thường gọi là Nguyễn Thị T) và anh Trần D trả cho bà Phạm Thị T số tiền 46.000.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu đồng).

Đình chỉ giải quyết đối với số tiền 2.000.000 đồng do bà Phạm Thị T đã rút yêu cầu khởi kiện.

Áp dụng Điều 357 của Bộ luật dân sự để tính lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

- Chị Nguyễn Thị T và anh Trần D phải chịu 2.300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E.

- Bà Phạm Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn trả lại cho bà Phạm Thị T 1.200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0004295 ngày 22/11/2017 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện E.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- VKS huyện Ea Súp;
- Toà án tỉnh;
- THA DS huyện E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Vinh Tuấn

